|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /TT-BNNMT | *Hà Nội, ngày  tháng năm 2025* |

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về Danh mục loài ngoại lai xâm hại**

*Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;*

*Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi năm 2018;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thú y năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về Danh mục loài ngoại lai xâm hại.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về điều tra, xác định, thẩm định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại; kiểm soát và công khai thông tin về loài ngoại lai xâm hại.

**Điều 2:** **Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến loài ngoại lai xâm hại.

**Điều 3. Điều tra loài ngoại lai xâm hại**

1. Nội dung điều tra, gồm:

a) Thông tin về loài ngoại lai xâm hại (tên khoa học, tên tiếng Việt, đặc điểm sinh học của loài);

b) Phạm vi phân bố, môi trường sống, con đường du nhập, lan rộng và tình trạng thiết lập quần thể trong điều kiện tự nhiên;

c) Các biểu hiện xâm hại ảnh hưởng đến đa dạng sinh học (loài bản địa và hệ sinh thái) và kinh tế - xã hội;

d) Biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai xâm hại.

2. Phương pháp, trách nhiệm điều tra loài ngoại lai xâm hại:

a) Cơ quan, tổ chức căn cứ vào đối tượng điều tra cụ thể để quyết định phương pháp điều tra phù hợp với từng nhóm loài;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện hoạt động điều tra loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh; Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra bổ sung thông tin cần thiết để làm cơ sở cho việc xác định, thẩm định và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại.

3. Định kỳ 03 năm một lần kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Báo cáo kết quả điều tra loài ngoại lai xâm hại tới Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Tiêu chí để xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại**

1. Các tiêu chí để xác định loài ngoại lai xâm hại:

a) Loài không có phân bố tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam;

b) Khả năng du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng tại Việt Nam;

c) Tác động đến đa dạng sinh học (loài bản địa và hệ sinh thái) và kinh tế-xã hội.

2. Danh mục loài ngoại lai xâm hại được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 5. Xác định, thẩm định và sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại**

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 4, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học tổ chức lập Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai theo Mẫu số 02 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định loài ngoại lai xâm hại đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng có ít nhất 07 thành viên, gồm đại diện: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đại diện các cơ quan chuyên môn liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đại diện cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh (trong trường hợp cần thiết) và các chuyên gia, nhà khoa học có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực có liên quan;

c) Hội đồng thẩm định được tổ chức họp khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Phiếu thẩm định của thành viên Hội đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Kết luận đề xuất đưa loài vào hoặc ra khỏi Danh mục loài ngoại lai xâm hại được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu của thành viên Hội đồng. Loài ngoại lai được đề xuất đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài ngoại lai xâm hại khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng đồng ý;

đ) Trong thời gian bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi tổ chức phiên họp Hội đồng thẩm định, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học lập báo cáo kết quả Hội đồng thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại. Hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình về việc điều chỉnh Danh mục loài ngoại lai xâm hại;

b) Dự thảo Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định Danh mục loài ngoại lai xâm hại;

c) Báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định loài ngoại lai xâm hại theo Mẫu số 4 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai.

**Điều 6. Kiểm soát và công khai thông tin về loài ngoại lai xâm hại**

1. Việc kiểm soát nhập khẩu, sự xâm nhập, lây lan và phát triển của loài ngoại lai xâm hại thực hiện theo quy định tại Điều 51, 53 của Luật Đa dạng sinh học.

2. Việc khảo nghiệm và cấp phép nuôi, trồng loài ngoại lai thực hiện theo quy định pháp luật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp.

3. Đối với loài ngoại lai thuộc các đối tượng: gây bệnh, kiểm dịch động vật hoặc kiểm dịch thực vật thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

4. Hình thức và trách nhiệm công khai thông tin về loài ngoại lai xâm hại thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật Đa dạng sinh học.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Chính phủ;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;- Kiểm toán Nhà nước;- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Sở NN&MT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng TTĐT của Bộ NN&MT;- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ NN&MT;- Lưu: VT, BTTN (100). | **BỘ TRƯỞNG** |

**Phụ lục 1. Các Biểu mẫu**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/2025/TT-BNNMT ngày…tháng…năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Mẫu Báo cáo kết quả điều tra loài ngoại lai xâm hại |
| Mẫu số 02 | Mẫu Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai |
| Mẫu số 03 | Mẫu Phiếu thẩm định loài ngoại lai xâm hại |
| Mẫu số 04 | Mẫu Báo cáo kết quả họp Hội đồng thẩm định loài ngoại lai xâm hại |

***Mẫu số 01***

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

|  |  |
| --- | --- |
| ***(Tên đơn vị)*** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-.......Vv: báo cáo kết quả điều tra loài ngoại lai xâm hại | *....., ngày .....tháng....năm.......* |

 Kính gửi:……………………………….

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Phạm vi điều tra

2. Thời gian điều tra

3. Nội dung điều tra

a) Thông tin về loài ngoại lai xâm hại *(tên tiếng Việt (tên đồng danh), tên khoa học, đặc điểm sinh học của loài)*;

b) Phạm vi phân bố, môi trường sống, con đường du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng trong điều kiện tự nhiên;

c) Các biểu hiện xâm hại: tác động đến đa dạng sinh học (loài bản địa, hệ sinh thái), và kinh tế-xã hội;

d) Biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và khả năng diệt trừ loài ngoại lai xâm hại.

4. Phương pháp thực hiện

Mô tả phương pháp điều tra phù hợp đã sử dụng.

**II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

1. Danh mục các loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn của tỉnh, thành phố (bao gồm: tên tiếng Việt, tên khoa học và lý do đề xuất đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài ngoại lai xâm hại). Cung cấp thông tin chi tiết đối với từng loài ngoại lai xâm hại tại Phụ lục kèm theo.

2. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn của tỉnh/thành phố.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

4. Đề xuất và kiến nghị.

**BÁO CÁO KÈM PHỤ LỤC** *(cung cấp thông tin chi tiết đối với từng loài ngoại lai xâm hại)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như trên;- ….. | *….., ngày ... tháng ... năm ...***Đại diện Lãnh đạo đơn vị***(Ký tên, ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục. Thông tin về kết quả điều tra đối với từng loài ngoại lai xâm hại**

*(kèm theo Báo cáo số / ngày tháng năm của ...(tên đơn vị))*

**THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI
LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

**(Tên loài:……………………….)**

**I. THÔNG TIN VỀ LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI** *(Căn cứ thông tin dẫn chứng từ các tài liệu thu thập, tham khảo chọn lọc, kết quả điều tra thực địa để mô tả thông tin)*

**1. Tên khoa học:** ........................................................................................

**2. Tên tiếng Việt:**.........................................................................................

**3. Đặc điểm sinh học của loài:**

- Đặc điểm hình thái: kích thước, màu sắc, hình dáng điển hình ở giai đoạn trưởng thành.

- Đặc điểm dinh dưỡng và sinh trưởng: đặc tính bắt mồi, thành phần thức ăn (đối với động vật), dinh dưỡng, ánh sáng (đối với thực vật), tốc độ sinh trưởng;

- Đặc điểm sinh sản: phương thức sinh sản (hữu tính, vô tính), số lượng cây/ con non mỗi chu kỳ, chu kỳ sinh sản (tính theo ngày, tháng hoặc năm); thời gian phát triển đến tuổi trưởng thành, số thế hệ mỗi năm

- Đặc điểm phát tán: khả năng phát tán (bay, bơi, lây lan qua nước, gió, động vật…), khoảng cách di chuyển;

- Tốc độ sinh trưởng và vòng đời: thời gian phát triển đến tuổi trưởng thành, số thế hệ mỗi năm;

- Tính linh hoạt sinh thái: khả năng chịu được nhiều kiểu môi trường, khí hậu, khả năng tồn tại trong điều kiện bất lợi.

**II. PHẠM VI PHÂN BỐ, MÔI TRƯỜNG SỐNG, TÌNH TRẠNG DU NHẬP, LAN RỘNG VÀ THIẾT LẬP QUẦN THỂ TRONG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

**1. Phạm vi phân bố**

- Ghi rõ loài này có phân bố tại khu vực nào trên thế giới (châu lục, quốc gia), và đặc biệt đã ghi nhận tại các tỉnh/thành nào ở Việt Nam (nếu có).

- Nếu chưa phát hiện ở Việt Nam, nêu rõ khu vực có nguy cơ xâm nhập.

**2. Môi trường sống**

- Mô tả kiểu sinh cảnh mà loài này sinh sống như: nước ngọt, nước mặn/lợ, rừng nguyên sinh, đất nông nghiệp, đất hoang, đô thị...

- Có thể sử dụng các chỉ số sinh thái như độ mặn, pH, độ ẩm, nhiệt độ trung bình mà loài ưa thích.

**3. Con đường du nhập**

Liệt kê rõ các con đường mà loài có thể hoặc đã du nhập vào địa bàn:

- Chủ đích: thương mại, nuôi trồng, nghiên cứu, thú cảnh…

- Không chủ đích: lẫn trong hàng hóa, phương tiện vận chuyển, du lịch, giao thương.

- Con đường tự nhiên: gió, nước, qua động vật.

**4. Tình trạng thiết lập quần thể**

Xác định quần thể sinh sản tự nhiên của loài trên địa bàn. Nếu có, mô tả đặc điểm: quy mô, mật độ, vòng đời.

**5. Tình trạng lan rộng**

- Mức độ lan rộng của loài. Ghi rõ các con đường lan rộng, tốc độ lan rộng (số km/năm, vùng bị ảnh hưởng).

- Khả năng bùng phát số lượng tại nơi loài xuất hiện.

**III. CÁC BIỂU HIỆN XÂM HẠI ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Ảnh hưởng đến đa dạng sinh học (loài bản địa, hệ sinh thái)**

- Săn mồi, cạnh tranh nơi sống, thức ăn với loài bản địa;

- Lai tạp làm suy giảm nguồn gen của loài bản địa;

- Là vật chủ trung gian truyền mầm bệnh đến loài bản địa;

- Thay đổi các đặc điểm vật lý/hóa học của hệ sinh thái như: độ trong của nước, độ pH, lượng oxy, khả năng lọc nước…;

- Thay đổi cấu trúc quần xã của hệ sinh thái.

**2. Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội**

- Gây hại cho cây trồng (ăn rễ, lá, thân, cạnh tranh, gây hoặc lan truyền bệnh);

- Ảnh hưởng đến vật nuôi (ăn thịt, cạnh tranh, gây hoặc lan truyền bệnh);

- Ảnh hưởng đến sinh kế, hệ thống thủy lợi, đê điều, giao thông đường bộ, đường thuỷ hoặc các công trình xây dựng.

**IV. BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA, KIỂM SOÁT VÀ DIỆT TRỪ LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

Nêu các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai xâm hại đang được triển khai trên địa bàn tỉnh và tính hiệu quả của các biện pháp này:

**1. Biện pháp ngăn ngừa**

- Kiểm soát đường nhập khẩu: kiểm dịch, giám sát thương mại, cấm nuôi trồng/thú cảnh…;

- Truyền thông nâng cao nhận thức, cảnh báo cộng đồng;

- Đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp này.

**2. Biện pháp kiểm soát và diệt trừ**

- Biện pháp sinh học (thiên địch), cơ học (bắt, dọn, chặn dòng), hóa học (thuốc trừ cỏ, bả…), sinh thái (ví dụ biện pháp lâm sinh);

- Đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp (chi phí tài chính, nhân lực);

- Có nguy cơ ảnh hưởng không mong muốn (ví dụ: diệt cả loài bản địa).

**V. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA VÀ KIỂM SOÁT LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

***Mẫu số 02***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH NGUY CƠ XÂM HẠI CỦA LOÀI NGOẠI LAI**

*(Áp dụng đối với từng loài ngoại lai)*

#### I. THÔNG TIN VỀ LOÀI NGOẠI LAI

1. Tên khoa học.

2. Tên tiếng Việt.

3. Thuộc đối tượng (động vật/thực vật/vi sinh vật).

4. Phân loại học (Giới, Ngành, Lớp, Bộ, Họ).

5. Nguồn gốc phân bố.

6. Lịch sử xuất hiện tại Việt Nam (đã được ghi nhận xuất hiện, xâm hại tại Việt Nam hoặc chưa ghi nhận xuất hiện, xâm hại ở Việt Nam).

7. Đặc điểm sinh học(Đặc điểm hình thái; môi trường sống tự nhiên; dinh dưỡng, sinh sản, vòng đời và con đường phát tán tự nhiên, thiên địch).

8. Các con đường du nhập chính và mức độ xâm hại của loài trên thế giới.

9. Những tác động tích cực của loài (mô tả những tác động tích cực của loài đối với các hệ sinh thái tự nhiên và kinh tế - xã hội nếu có).

10. Các biện pháp kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai(các biện pháp cơ học, hóa học, sinh học, quản lý môi trường sống…).

**II. XÁC ĐỊNH NGUY CƠ XÂM HẠI CỦA LOÀI NGOẠI LAI**

**1. Phương pháp xác định loài ngoại lai xâm hại** (Sử dụng phương pháp, hướng dẫn về đánh giá nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai được áp dụng trong nước hoặc quốc tế như Harmonia+, Pandora+, Đánh giá sàng lọc rủi ro sinh thái (ERSS)…. Dựa vào thông tin điều tra, dẫn liệu bằng chứng khoa học, tuân thủ tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại, nguyên tắc phòng ngừa để đánh giá và xác định loài ngoại lai xâm hại).

**2. Các tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại**

**2.1. Tiêu chí 1: Loài không có phân bố tự nhiên trong lãnh thổ Việt Nam.**

Ghi rõ phân bố tự nhiên của loài tại khu vực nào trên thế giới (châu lục, quốc gia).

**2.2. Tiêu chí 2: Khả năng du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng của loài ngoại lai tại Việt Nam.**

**a) Khả năng du nhập**

- Theo các con đường tự nhiên(gió, nước, sinh vật hoang dã…);

- Theo các con đường không chủ đích của con người(thông qua phương tiện vận tải; giày, dép, đồ dùng của du khách; tạp lẫn trong hàng hoá, thất thoát ra ngoài tự nhiên trong quá trình vận chuyển…);

- Do hoạt động có chủ đích của con người(nhập khẩu để nuôi, trồng hoặc buôn bán, nghiên cứu…).

**b) Khả năng thiết lập quần thể**

- Điều kiện khí hậu của Việt Nam phù hợp cho sự thiết lập quần thể của loài ngoại lai(mô tả tính tương đồng của khí hậu Việt Nam với vùng phân bố gốc của loài ngoại lai để xác định mức độ phù hợp về điều kiện khí hậu cho sự sinh trưởng và sinh sản tự nhiên ở Việt Nam);

**-** Môi trường tự nhiên ở Việt Nam phù hợp cho sự thiết lập quần thể của loài ngoại lai(mô tả sự phù hợp của môi trường sống tự nhiên ở Việt Namcho việc sinh trưởng và sinh sản của loài ngoại lai. Môi trường sống bao gồm sự hiện diện của các loại thức ăn, vật chủ, loài thụ phấn, loài phát tán hạt và các điều kiện sinh học phù hợp khác).

**c) Khả năng lan rộng**

**-** Theo các con đường tự nhiên(gió, nước hoặc động vật khác…);

**-** Do hoạt động của con người(phát tán chủ đích như nuôi, trồng, buôn bán…và không chủ đích của con người như từ phương tiện vận chuyển, lẫn trong hàng hóa...).

**2.3. Tiêu chí 3: Tác động của loài ngoại lai đến đa dạng sinh học và kinh tế - xã hội.**

***Tiêu chí 3.1: Tác động của loài ngoại lai đến đa dạng sinh học***

- Tác động đến các loài bản địa thông qua hoạt động săn mồi, ký sinh hoặc ăn thực vật;

- Cạnh tranh(về thức ăn,nơi ở) với các loài bản địa (Đánh giá sự suy giảm quần đàn của các loài bản địa, cần được bảo tồn);

- Lai tạp với các loài bản địa(khả năng giao phối với các loài bản địa, ảnh hưởng đến tính toàn vẹn di truyền của các loài cần được bảo tồn);

- Lây truyền mầm bệnh hoặc ký sinh trùng gây hại cho các loài bản địa(Tham khảo các cơ sở dữ liệu các bệnh được cảnh báo bởi các cơ quan, tổ chức quốc tế như Tổ chức Thú y thế giới… khi đánh giá);

- Tác động đến tính toàn vẹn của hệ sinh thái do làm thay đổi các yếu tố vô sinh(Các thông số vật lý, hóa học như O2, độ đục, độ pH, độ mặn, các chất dinh dưỡng, ánh sáng…);

- Tác động đến tính toàn vẹn của hệ sinh thái do làm thay đổi các yếu tố hữu sinh(chuỗi thức ăn, thụ phấn, phát tán…).

***Tiêu chí 3.2: Tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội***

**a) Tác động đến cây trồng**

- Ăn các cây trồng(làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai là thực vật)*;

- Cạnh tranh với các cây trồng (dinh dưỡng, ánh sáng làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai không phải là thực vật)*;

- Lai tạp với các cây trồng(làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai không phải là thực vật*);

- Ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của hệ thống canh tác(như tác động đến chu trình dinh dưỡng, thủy văn, môi trường sống vật lý, lưới thức ăn…);

- Lan truyền mầm bệnh hoặc ký sinh trùng gây hại cho cây trồng(Tham khảo các cơ sở dữ liệu các bệnh được cảnh báo bởi các cơ quan, tổ chức về kiểm dịch thực vật khi đánh giá).

**b) Tác động đến vật nuôi**

- Tác động đến các vật nuôi thông qua hành vi săn mồi(làm giảm năng suất, sản lượng vật nuôi)*(Không áp dụng nếu loài ngoại lai là thực vật)*;

- Tác động đến các vật nuôi do có các đặc tính nguy hiểm khi tiếp xúc(có các đặc tính sinh học, vật lý và/hoặc hóa học gây hại khi tiếp xúc như độc tố hoặc chất gây dị ứng hoặc hành vi hung hăng…);

- Lây truyền các mầm bệnh hoặc ký sinh trùng có hại cho các vật nuôi(Tham khảo các cơ sở dữ liệu các bệnh được cảnh báo bởi các cơ quan, tổ chức quốc tế như Tổ chức Thú y thế giới khi đánh giá).

**c) Tác động đến cơ sở hạ tầng** (như đường sá, bờ, kè, đê, đập…).

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

**1.1. Tóm tắt nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai tại Việt Nam** (nêu bật những tác động tiêu cực chính của loài ngoại lai).

**1.2. Đánh giá nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai:**

- Phân bố tự nhiên của loài (tiêu chí 1)

☐Có phân bố tự nhiên ở Việt Nam ☐Không có phân bố tự nhiên ở Việt Nam

- Khả năng du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng của loài (tiêu chí 2):

☐ Thấp ☐Trung bình ☐Cao

- Mức độ tác động của loài (tiêu chí 3):

☐ Thấp ☐Trung bình ☐Cao

***Đánh giá chung về nguy cơ xâm hại của loài:***

☐ Thấp ☐Trung bình ☐Cao

**3. Kiến nghị**

☐ Đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

☐ Không đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại

Các kiến nghị khác (nếu có).

**4. Đề xuất các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai xâm hại.**

**IV. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐÁNH GIÁ**

1. Họ tên:

2. Lĩnh vực chuyên môn:

3. Đơn vị công tác:

***Mẫu số 03***

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *.............., ngày tháng năm*  |

**PHIẾU THẨM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

**I. Thông tin về thành viên Hội đồng**

1. Họ và tên:

2. Chức vụ:

3. Học hàm, học vị:

4. Đơn vị công tác:

**II. Thông tin chung về loài đề nghị thẩm định**

1. Tên khoa học:...........................................................................................

2. Tên thông thường (nếu có):.......................................................................

3. Thuộc đối tượng: □ Động vật □ Thực vật □ Vi sinh vật

4. Phân loại học: Giới: ......... Ngành: ......... Lớp:......... Bộ:........ Họ: .........

5. Nguồn gốc:................................................................................................

6. Lịch sử xuất hiện tại Việt Nam:…............................................................

**III. Đánh giá theo tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại**

(Đánh dấu ☑ vào ô phù hợp và ghi nhận giải thích)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đánh giá** | **Mô tả chi tiết** |
| 1. Phân bố tự nhiên của loài trong lãnh thổ Việt Nam | ☐Có ☐Không |  |
| 2. Khả năng du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng tại Việt Nam | ☐Thấp ☐Trung bình☐Cao |  |
| 3. Tác động tiêu cực đối với đa dạng sinh học (loài bản địa, hệ sinh thái) và kinh tế - xã hội | ☐Thấp ☐Trung bình☐Cao |  |
| Đánh giá chung về nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai.  | ☐Thấp ☐Trung bình☐Cao |  |

**IV. Đề xuất:**

□ Đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại

□ Không đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày ... tháng ... năm ...***THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**(Ký tên, ghi rõ họ tên) |

***Mẫu số 4***

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG-----------HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc--------------- *Hà Nội, ngày tháng năm*** |
|  |  |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌP
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Quyết định thành lập Hội đồng:

2. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

3. Số thành viên Hội đồng tham dự trên tổng số thành viên:

Tham dự: ……….người Không tham dự: ……người

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

**II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG**

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà…………………… ……………………….. làm Thư ký của Hội đồng.

3. Kết quả tổng hợp Phiếu thẩm định của Hội đồng với từng loài.

**III. KẾT QUẢ HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

Hội đồng thảo luận và thống nhất tên, khu vực phân bố, mức độ xâm hại của các loài ngoại lai được đề xuất trong danh mục (*Biểu tổng hợp kết quả họp thẩm định Danh mục loài ngoại lai xâm hại).*

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ*(Họ tên và chữ ký)*** | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG*(Họ tên và chữ ký)*** |

**Phụ lục 2. Danh mục loài ngoại lai xâm hại**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/2025/TT-BNNMT ngày…tháng…năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

| **STT** | **Tên khoa học** | **Tên tiếng Việt** | **Khu vực phân bố** | **Ghi nhận xuất hiện tại Việt Nam** | **Mức độ xâm hại** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | *Pomacea canaliculata* | Ốc bươu vàng | Nam Mỹ | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ cao |
| 2 | *Achatina fulica* | Ốc sên châu Phi | Châu Phi | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 3 | *Mnemiopsis leidyi*  | Sứa lược Leidy | Khu vực Tây Đại Tây Dương (ven bờ phía đông châu Mỹ). | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 4 | *Procambarus clarkii* | Tôm hùm đất | Bắc Mỹ | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 5 | *Mytilus galloprovincialis* | Trai Địa Trung Hải | Địa Trung Hải | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 6 | *Potamocorbula amurensis* | Trai Trung Hoa | Trung Quốc | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 7 | *Dreissena polymorpha* | Trai vằn | Đông Nam của Nga | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 8 | *Gambusia affinis* | Cá ăn muỗi | Bắc Mỹ (vùng Trung - Nam Hoa Kỳ và Mexico) | Đã xuất hiện và phát tán rộng rãi ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 9 | *Hypostomus plecostomus* | Cá tỳ bà bé  | Nam Mỹ | Đã xuất hiện nhiều nơi ở Việt Nam | Nguy cơ cao |
| 10 | *Pterygoplichthys disjunctivus* | Cá tỳ bà lớn | Nam Mỹ (lưu vực sông Madeira) | Đã thiết lập quần thể ngoài tự nhiên tại nhiều khu vực ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 11 | *Micropterus salmoides* | Cá vược miệng rộng | Bắc Mỹ | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 12 | *Carcinus maenas* | Cua xanh (cua ven biển xanh châu Âu) | Châu Âu | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 13 | *Cercopagis pengoi* | Giáp xác râu ngành (bọ chét nước móc câu) | Biển Caspi, Biển Azov và Biển Đen | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 14 | *Oreochromis mossambicus* | Cá rô phi đen | Châu Phi | Đã xuất hiện, thiết lập quần thể ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 15 | *Lepisosteus oculatus* | Cá sấu hỏa tiễn | Bắc Mỹ  | Đã được ghi nhận xuất hiện, nuôi cá cảnh ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 16 | *Micropterus dolomieu* | Cá vược miệng bé | Bắc Mỹ | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 17 | *Lates niloticus* | Cá Vược sông Nile | Châu Phi | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 18 | *Myocastor coypus* | Hải ly Nam Mỹ | Nam Mỹ | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 19 | *Trachemys scripta elegans* | Rùa tai đỏ | Hoa Kỳ | Đã xuất hiện và phân bố rộng rãi ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 20 | *Cherax quadricarinatus* | Tôm càng đỏ | Bắc Úc | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 21 | *Bufo marinus (đồng danh Rhinella marina)* | Cóc mía | Trung và Nam Mỹ | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 22 | *Eleutherodactylus coqui* | Ếch Caribe (Coquí) | Puerto Rico | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 23 | *Rana catesbeiana (đồng danh Lithobates catesbeianus)* | Ếch ương beo (ếch bò Mỹ, bullfrog) | đông Canada, miền Đông Hoa Kỳ, và Mexico | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 24 | *Solenopsis invicta* | Kiến lửa đỏ nhập khẩu | Nam Mỹ  | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 25 | *Boiga irregularis (*Merrem, 1802*)* | Rắn nâu leo cây | Đông và Bắc Úc, Papua New Guinea, Đông Indonesia  | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 26 | *Eichhornia crassipes (Mart.) Solms* | Bèo lục bình (bèo tây, bèo Nhật Bản) | Nam Mỹ | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ cao |
| 27 | *Salvinia molesta* D.S.Mitch. | Bèo tai chuột, bèo năn, bèo mạng | Brazil, Paraguay và Argentina | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ cao |
| 28 | *Sphagneticola trilobata* (L.) Pruski | Cây cúc bò (còn gọi là sài đất ba thuỳ, sơn cúc ba thuỳ) | Mexico, Trung Mỹ và Nam Mỹ | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 29 | *Mikania micrantha* Kunth | Cúc leo, dây mơ lông | Trung và Nam Mỹ | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 30 | *Ageratum conyzoides L.* | Cây cứt lợn (còn gọi là billy goat weed, whiteweed) | Trung và Nam Mỹ. | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 31 | *Leucaena leucocephala* (Lam.) de Wit. | Cây keo giậu | Trung Mỹ và miền nam Mexico | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 32 | *Mimosa pigra* | Trinh nữ thân gỗ / Mai dương | Mexico, Trung Mỹ đến phía bắc Argentina  | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ cao |
| 33 | *Miconia calvescens D.C.* | Cây micona | Trung và Nam Mỹ (đặc biệt là Mexico và Brazil) | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 34 | *Lantana camara L.* | Cây ngũ sắc | Trung và Nam Mỹ | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 35 | *Mimosa diplotricha C. Wright ex Sauvalle* | Cây trinh nữ móc, còn gọi là trinh nữ rủ | Nam Mỹ | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ cao |
| 36 | *Pennisetum setaceum (syn. Cenchrus setaceus)* | Cỏ đuôi chồn (cỏ đuôi sóc, cỏ đuôi chồn tía) | Đông Bắc châu Phi, Trung Đông và bán đảo Ả Rập | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 37 | *Chromolaena odorata* | Cỏ lào | Trung Mỹ, Nam Mỹ và vùng Caribe.  | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 38 | *Ageratina adenophora (Spreng.) R.M.King & H.Rob. (syn: Eupatorium adenophorum Spreng.)* | Cỏ lào đỏ | Nam Mỹ | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 39 | *Parthenium hysterophorus* | Cúc liên chi, cỏ phân lợn | Trung và Nam Mỹ (đặc biệt là Mexico, Caribe, Argentina, Brazil). | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 40 | *Jatropha gossypiifolia L.* | Dầu mè tía, còn gọi là thầu dầu lá tía | Trung Mỹ, Nam Mỹ, Caribe | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 41 | *Hedychium gardnerianum* Sheppard ex Ker Gawl. | Gừng dại (Kahili ginger) | Dãy Himalaya (Nepal, Bhutan, Đông Bắc Ấn Độ). | Đã ghi nhận xuất hiện ở Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 42 | *Cabomba caroliniana* A. Gray | Rong lá ngò (bèo lông chim, rong cabomba) | Đông Nam Hoa Kỳ, Brazil, Argentina, Uruguay và Paraguay. | Đã xuất hiện và lan rộng tại Việt Nam | Nguy cơ trung bình |
| 43 | *Urochloa maxima* | Cỏ kê Ghinee | châu Phi và Yemen  | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện loài ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 44 | *Urochloa mutica* | Cỏ kê Para | châu Phi và Trung Đông  | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện loài ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 45 | *Paspalum vaginatum* | Cỏ nước lợ | Bắc, Trung, Nam Mỹ | Hiện tại chưa ghi nhận xuất hiện ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ trung bình |
| 46 | *Brontispa longissima* | Bọ cánh cứng hại lá dừa | Indonesia, Papua New Guinea và Trung Quốc (Quảng Đông)  | Đã ghi nhận xuất hiện loài ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | Nguy cơ cao |
| 47 | *Phytophthora cinnamomi* | Nấm gây bệnh thối rễ | Chưa xác định nguồn gốc phân bố | Đã ghi nhận xuất hiện loài ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | **-** |
| 48 | *Banana bunchy top virus* | Vi-rút gây bệnh chùn ngọn chuối | Tây Phi (Benin, Nigeria và Cameroon) và ở Đông và Trung Phi (Burundi, Rwanda, Cộng hòa Dân chủ Congo, Malawi và Zambia). | Đã ghi nhận xuất hiện loài ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | **-** |
| 49 | *Avian influenza virus* | Vi-rút gây bệnh cúm gia cầm | Chưa xác định nguồn gốc phân bố | Đã ghi nhận xuất hiện loài ngoài tự nhiên ở Việt Nam. | **-** |
| 50 | *Trogoderma granarium* | Mọt cứng đốt | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 51 | *Prostephanus truncatus* | Mọt đục hạt lớn | **-** |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 52 | *Bactrocera tryoni* | Ruồi đục quả châu Úc | **-** |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 53 | *Ceratitis capitata* | Ruồi đục quả Địa Trung Hải | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 54 | *Anastrepha ludens* | Ruồi đục quả Mê-hi-cô | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 55 | *Anastrepha fraterculus* | Ruồi đục quả Nam Mỹ | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 56 | *Ceratitis rosa* | Ruồi đục quả Natal | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 57 | *Hyphantria cunea* | Bướm trắng Mỹ | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 58 | *African swine fever virus* | Vi-rút gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi  | - |  | Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT |
| 59 | *Capripoxvirus* | Vi-rút gây bệnh Viêm da nổi cục | - |  | Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT |
| 60 | *Bursaphelenchus xylophilus* | Tuyến trùng hại thông | - |  | Thông tư 04/2023/TT-BNNPTNT thuộc nhóm I (loài gây nguy hại và chưa có mặt tại Việt Nam) |
| 61 | *Anoplophora glabripennis* | Xén tóc hại gỗ châu Á | Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc | Đã ghi nhận xuất hiện tại Việt Nam | **-** |